

PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGÀNH Y HỌC BIỂN VÀ MÀNG LƯỚI Y TẾ BIỂN - ĐẢO Ở QUẢNG NINH: NHU CẦU VÀ GIẢI PHÁP

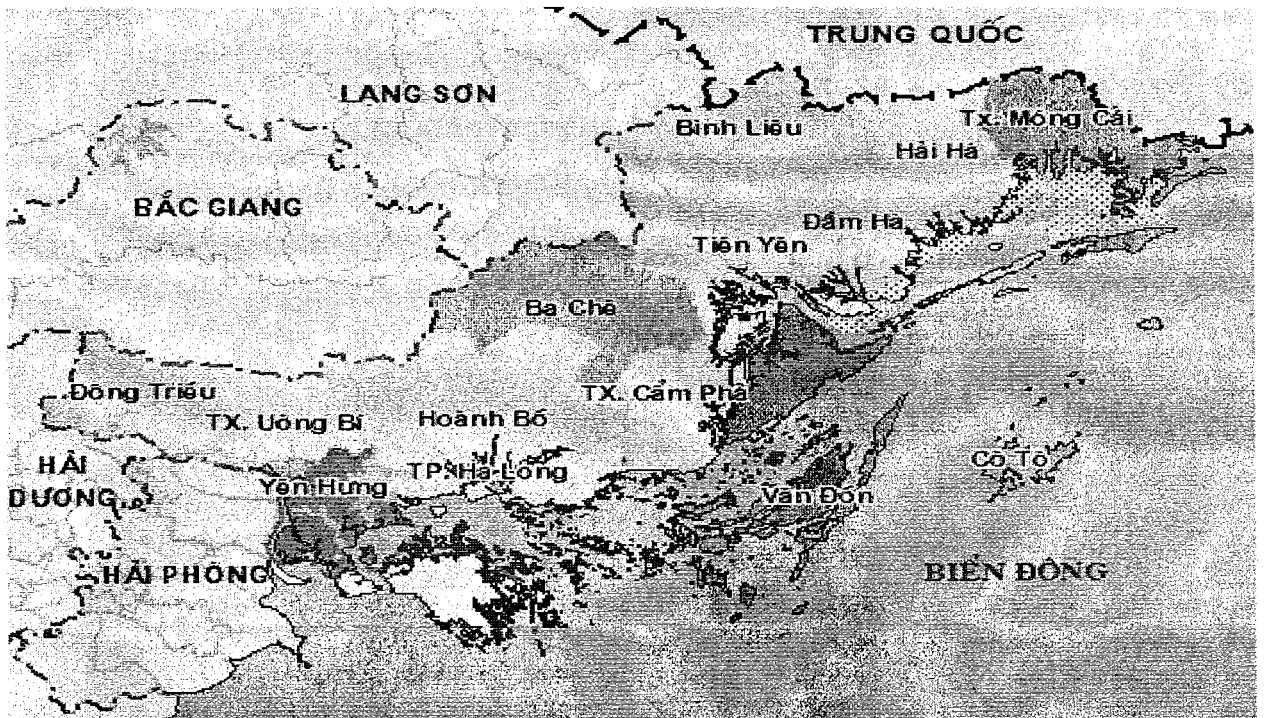
ThS Nguyễn Kim Thoa
Phó Hiệu trưởng trường CDYT Quảng Ninh
Nguyễn Thanh Hải

(Bài tham luận tại hội nghị quốc gia về phát triển y tế Biển - Đảo tại Việt Nam)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LIÊN QUAN ĐẾN Y TẾ BIỂN - ĐẢO CỦA TỈNH QUẢNG NINH

1. Về địa lý - dân cư:

Quảng Ninh là một tỉnh ở địa đầu phía đông bắc Việt Nam, có tọa độ địa lý khoảng $106^{\circ}26'$ đến $108^{\circ}31'$ kinh độ đông và từ $20^{\circ}40'$ đến $21^{\circ}40'$ vĩ độ bắc. Tỉnh Quảng Ninh có dáng một hình chữ nhật lệch nằm chệch theo hướng đông bắc - tây nam, Phía tây tựa lưng vào núi rừng trùng điệp, Phía đông nghiêng xuống nửa phần đầu vịnh Bắc bộ với bờ biển khúc khuỷu nhiều cửa sông và bãi triều, bên ngoài là hơn hai nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có 1.030 đảo có tên, còn lại hơn một nghìn hòn đảo chưa có tên. Quảng Ninh có biên giới quốc gia và hải phận giáp giới nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Phía bắc của tỉnh giáp huyện Phòng Thành và thị trấn Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây với 132,8 km đường biên giới; phía đông là vịnh Bắc Bộ; phía tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương; phía nam giáp Hải Phòng. Bờ biển dài 250 km. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh Quảng Ninh là $8.239,243 \text{ km}^2$ (phần đã xác định). Trong đó diện tích đất liền là 5.938 km^2 ; vùng đảo, vịnh, biển (nội thủy) là $2.448,853 \text{ km}^2$. Riêng các đảo có tổng diện tích là $619,913 \text{ km}^2$.



Vùng biển và hải đảo của Quảng Ninh là một vùng địa hình độc đáo. Hơn hai nghìn hòn đảo chiếm hơn 2/3 số đảo cả nước (2078/ 2779), đảo trải dài theo đường ven biển hơn 250 km chia thành nhiều lớp. Có những đảo rất lớn như đảo Cái Bầu, Bản Sen, lại có đảo chỉ như một hòn non bộ. Có hai huyện hoàn toàn là đảo là huyện Vân Đồn và huyện Cô Tô. Trên vịnh Hạ Long và Bái Tử Long có hàng ngàn đảo đá vôi nguyên là vùng địa hình karst bị nước bào mòn tạo nên muôn nghìn hình dáng bên ngoài và trong lòng là những hang động kỳ thú.

Vùng ven biển và hải đảo Quảng Ninh ngoài những bãi bồi phù sa còn những bãi cát trắng tấp lên từ sóng biển. Có nơi thành mỏ cát trắng làm nguyên liệu cho công nghệ thủy tinh (Vân Hải), có nơi thành bãi tắm tuyệt vời (như Trà Cổ, Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng...)

Địa hình đáy biển Quảng Ninh, không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 20 m. Có những lạch sâu là di tích các dòng chảy cổ và có những dải đá ngầm làm nơi sinh trưởng các rạn san hô rất đa dạng. Các dòng chảy hiện nay nổi với các lạch sâu đáy biển còn tạo nên hàng loạt luồng lạch và hải cảng trên dải bờ biển khúc khuỷu kín gió nhờ những hành lang đảo che chắn, tạo nên một tiềm năng cảng biển và giao thông đường thủy rất lớn.

Khí hậu Quảng Ninh tiêu biểu cho khí hậu các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Đây là vùng nhiệt đới - gió mùa. Mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều, gió thịnh hành là gió đông nam. Mùa đông lạnh, khô hanh, ít mưa, gió là gió đông bắc.

Nằm trong vùng nhiệt đới, Quảng Ninh có lượng bức xạ trung bình hàng năm 115,4 kcal/cm². Nhiệt độ không khí trung bình hàng năm trên 21⁰C. Độ ẩm không khí trung bình năm là 84%. Từ đó lượng mưa hàng năm lên tới 1.700 - 2.400 mm, số ngày mưa hàng năm từ 90-170 ngày. Mưa tập trung nhiều vào mùa hạ (hơn 85%) nhất là các tháng 7 và 8. Mùa đông chỉ mưa khoảng 150 đến 400 mm. So với các tỉnh Bắc Bộ, Quảng Ninh chịu ảnh hưởng gió mùa đông bắc mạnh hơn. Đây là nơi "đầu sóng ngọn gió". Gió thổi mạnh và so với các nơi cùng vĩ độ thường lạnh hơn từ 1 đến 3⁰C. Quảng Ninh cũng chịu ảnh hưởng lớn của bão tố. Bão thường đến sớm (các tháng 6, 7, 8) và có cường độ khá mạnh, nhất là ở vùng đảo và ven biển.

Dân số toàn tỉnh hiện tại có khoảng trên 1 triệu người, vào loại tỉnh có cỡ dân số trung bình ở Việt Nam. Mức tăng dân số của Quảng Ninh thấp hơn mức tăng dân số trung bình toàn quốc. Cơ cấu dân số ở Quảng Ninh là loại hình "dân số trẻ", tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chiếm tới 37,6%. Người già trên 60 tuổi (với nam) và trên 55 tuổi (với nữ) là 7,1% và nam đông hơn nữ. Mật độ dân số bình quân 160 người/ km² nhưng phân bố không đều, tập trung đông ở vùng đô thị và các huyện miền tây.

2. Về kinh tế - xã hội:

2.1. Cảng biển và Dịch vụ cảng biển:

Quảng Ninh có bờ biển dài, nhiều khu vực kín gió, nước sâu, ít lắng đọng để phát triển cảng biển. Đặc biệt Cái Lân và Cửa Ông là hai khu vực nằm trong vịnh Hạ Long và Bái Tử Long, được các dãy núi đá vôi bao quanh chắn sóng, gió. Luồng tàu hiện tại đã có thể cho phép tiếp nhận các tàu có trọng tải hàng vạn tấn ra, vào nhận, trả hàng hoá.

Cảng Cái Lân có luồng tàu dài 18 hải lý (27 km), chiều rộng 110 m, độ sâu -8,2 m, thủy triều trung bình +3,6 m (cao nhất 4,46 m).

Cảng Cửa Ông có luồng tàu dài 37 km, chiều rộng 110 m; đoạn Cầu Cảng - Hòn Con Ong dài 7,5 km, sâu -7,4 m; đoạn Hòn Con Ong - Hòn Nét dài 16,5 km, sâu -13 m; đoạn Hòn Nét - Phao số 0 dài 13 km, sâu -9,2 m. Hiện nay, Tổng Công ty Than Việt Nam đang có dự án hạ sâu luồng đoạn Cầu Cảng - Hòn Con Ong tới -9,0 m và đoạn Hòn Nét - Phao số 0 sâu -12 m.

Với các điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, Chính phủ Việt Nam đã và đang quan tâm đầu tư phát triển các cảng nước sâu Cái Lân và Cửa Ông để tạo điều kiện phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp thép, xi măng, sản xuất hàng xuất khẩu... Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển của Quảng Ninh đến năm 2010 (Quyết định 202/1999/QĐ-TTg ngày 12/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ) như sau:

Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển của Quảng Ninh đến năm 2010:

Cảng	Công suất năm 2003 (triệu tấn)	Công suất năm 2010 (triệu tấn)
Cái Lân (có các bến tàu container)	1,8 - 2,8	16 - 17
Cảng than Cửa Ông	4 - 4,1	5 - 5,2
Cảng nhà máy thép Cửa Ông	-	4 - 5
Hoành Bồ (chuyên dùng xi măng)	1,2 - 1,4	- 3,8
Dầu B12	1,5 - 2	3 - 3,5
Cầu Trắng (TP. Hạ Long)	1 - 1,2	1,8 - 2
Mũi Chùa	0,1 - 0,2	2
Điền Công	0,3	0,3 - 0,4
Cộng:	11 - 12	38 - 39

b, Nghề đánh bắt hải sản

Vùng biển Quảng Ninh có nguồn lợi thủy sản rất phong phú, có nhiều loại tôm cá, nhiều loại hải sản quý có giá trị kinh tế cao cả ở trong nước và xuất khẩu như các loại cá ngon nổi tiếng: chim, thu, nhụ, đế, song, ngư, các đặc sản như: tôm he, mực ống, cua, ghẹ, sái sùng, sò huyết, hải sâm, ngán, các loại ốc...

Đánh bắt hải sản ở Quảng Ninh là một nghề truyền thống, có lịch sử lâu đời, đến nay vẫn còn tồn tại nhiều cách thức đánh bắt thủ công cổ truyền, không những có ý nghĩa về mặt kinh tế xã hội mà còn có ý nghĩa rất lớn về mặt văn hoá và du lịch. Trong những năm gần đây, Quảng Ninh đã quan tâm đầu tư nâng cấp tàu thuyền, ngư cụ, trang thiết bị hiện đại để đánh bắt xa bờ, nâng cao sản lượng, kết hợp với việc đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản ở ven bờ.

Nghề câu mực, câu cá song có ý nghĩa kinh tế lớn. Mấy năm vừa qua, nghề câu cá song phát triển rất mạnh ở vùng biển Cô Tô.

Câu cáy ở ven biển, ở những bãi sù vẹt thường là để giải trí, đi câu cho vui và kết hợp kiếm bát canh cho khoẻ người.

Nghề chài, nghề chài bằng thuyền nhỏ, không ra khơi xa, chỉ ở trong vịnh, ven bờ. Có khi cả gia đình sống trên một chiếc thuyền nhỏ.

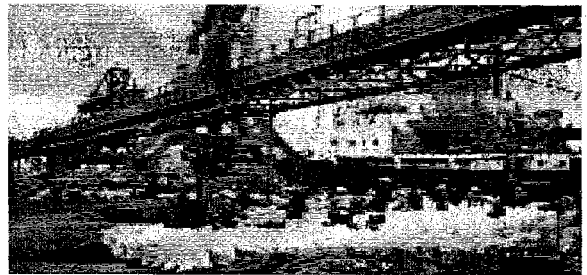
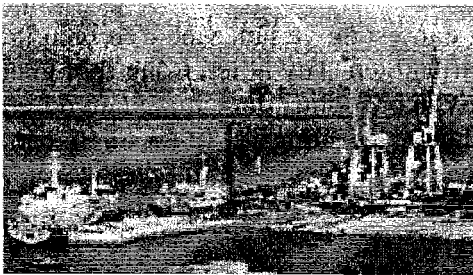
Nghề đánh cá đèn: Cách đây hàng chục năm trên vùng biển Quảng Ninh đã rất phổ biến nghề đánh cá đèn. Khi đèn thấp sáng trong đêm thì cá đua nhau tìm đến và người ta bủa lưới bắt cá.

Nghề đào sái sùng: Người đi đào sái sùng lăm lăm trong tay cái mai, cán dùi, mắt quan sát về phía trước, bước chân đi nhẹ nhàng. Khi phát hiện có sái sùng thì họ hết sức nhanh nhẹn dùng mai lao xuống cát hất vôi con sái sùng nâng lên, nhặt đưa ngay vào giỏ.



c, Nghề nuôi cấy ngọc trai

Làng nghề nuôi cấy ngọc trai trên biển đầu tiên của vùng Đông Bắc Việt Nam thuộc huyện đảo Vân Đồn, cách thành phố Hạ Long khoảng 60 km. Nghề này đã ra đời và phát triển ở đây khoảng 40 năm. Huyện đảo Vân Đồn có diện tích các bãi triều ngập nước là 10.969 ha, cùng hàng vạn ha đất có mặt nước tại các vụng, tùng, vịnh... ẩn khuất trong trùng điệp núi đá, núi đất thuộc vịnh Bái Tử Long là những nơi lý tưởng để phát triển nghề này.



Với tiềm năng kinh tế và du lịch, đến nay trên địa bàn Quảng Ninh có 44 dự án đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép còn hiệu lực, trong đó lĩnh vực du lịch chiếm 26%; công nghiệp, xây dựng chiếm 72%; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 2%.

3. Về mạng lưới Y tế:

Mạng lưới Y tế ở khu vực ven biển và hải đảo cũng giống như các khu vực nằm sâu trong đất liền khác về tổ chức, trang bị và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các nhân viên Y tế chưa được đào tạo về chuyên ngành Y học biển. Việc tổ chức các hoạt động cấp cứu và chăm sóc sức khỏe cho quân và dân sống và làm việc xa đất liền đều trông chờ vào các phương tiện vận chuyển thông thường nên có khi không kịp.

II. BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN CHUYÊN NGÀNH Y HỌC BIỂN VÀ MẠNG LƯỚI Y TẾ BIỂN - ĐẢO CỦA TỈNH QUẢNG NINH

1. Thành lập bộ môn Y học Biển và trung tâm nghiên cứu Y học biển tại trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh để nghiên cứu và đào tạo về y học biển.
2. Thành lập trung tâm cấp cứu biển trong đó có ứng dụng công nghệ tele - medicine phụ trách việc cấp cứu và vận chuyển người bệnh trên biển.
3. Xây dựng bộ phận Y học dưới nước và cao áp tại bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện huyện đảo.
4. Tiến hành các điều tra cơ bản về nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho quân và dân khu vực biển đảo.
5. Áp dụng các biện pháp đảm bảo y tế cho người làm việc xa bờ và dưới nước ở tất cả các ngành kinh tế.